

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂY HỒ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2019/HS-ST**

Ngày: 18-7-2019

**NHÂN DANH**

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Vân Anh

*Các Hội thẩm Nhân dân:* 1. Bà Đào Thị Bích Ngọc

2. Bà Ngô Thị Thu Trang

**-Thư ký phiên tòa:**Bà Đào Thị Thúy-Thư ký Tòa án Nhân dân quận Tây Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa:**

Ông Lê Khắc Minh-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2019/HSST ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: Số 16 ngách 109/38 Q N, phường N C, quận T X, Hà Nội; Chỗ ở: Số 22 ngách 109/30 Q N, phường N C, quận T X, Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T (đã chết) và bà Phạm Thị Q1 Chồng: Nguyễn Văn K, Con: có 01 con sinh năm 1995; Danh bản, chỉ bản số 0000000178 do Công an quận Tây Hồ lập ngày 26/4/2019.

N thân:

-Ngày 06/01/2009 Tòa án Nhân dân (TAND) quận Đống Đa xử 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp trị giá 640.000đồng, bản án số 07/HSST, đã được xóa án tích).

- Ngày 16/01/2009 TAND quận Cầu Giấy xử 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp trị giá 1.300.000đồng, bản án số 07/HSST, đã được xóa án tích),

- Ngày 28/7/2010 TAND huyện Từ Liêm xử 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 2.800.000đồng, bản án số 142/HSST, đã nộp án phí tháng 15/10/2011. Ra trại ngày 15/12/2010.

- Ngày 31/5/2012 TAND quận Cầu Giấy 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 6.450.000đồng, bản án số 168/HSST, đã nộp án phí tháng 31/5/2012. Ra trại ngày 28/5/2013.

- Ngày 06/11/2013 TAND tỉnh Hưng Yên 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 8.537.000đồng, bản án số 51/HSST, đã nộp án phí tháng 02/2014. Ra trại ngày 06/9/2016.

- Ngày 31/5/2012 TAND quận Cầu Giấy 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 6.450.000đồng, bản án số 168/HSST, đã nộp án phí tháng 31/5/2012. Ra trại ngày 28/5/2013.

- Ngày 21/02/2017 TAND quận Đống Đa xử 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 2.500.000đồng, bản án số 21/HSST, đã nộp án phí ngày 26/6/2017. Ra trại ngày 11/3/2019.

Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 công an TP Hà Nội, có mặt.

**Bị hại: Chị Nông Thị T T1**, sinh năm 2000; Hộ khẩu thường trú: Xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: Ký túc xá Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, phường X La, quận Tây Hồ, Hà Nội, xin vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên Q: Anh Nguyễn H M**, sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: Số 22 ngách 109/30 Q N, phường N C, quận T X, Hà Nội, xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07giờ 30phút ngày 18/4/2019, Nguyễn Thị H điều khiển xe máy Honda Biển kiểm soát 29G1- từ chỗ ở của H đến khu ký túc xá trường Đại học nội vụ Hà Nội (phường X La, quận Tây Hồ, Hà Nội). Khi vào khu ký túc xá H dựng xe dưới sân, đi bộ lên tầng 2, mục đích xem có ai sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Đến phòng 211, thấy cửa phòng mở, bên trong có hai sinh viên đang ngủ, thấy ở trên giường có 01 chiếc điện thoại OPPO A71 màu đen của chị Nông Thị T T1. H đi đến, lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi áo khoác đang mặc trên người rồi đi ra ngoài thì nghe thấy có người hô hoán. H đi nhanh xuống tầng 1, lấy xe định tẩu thoát thì bị bảo vệ khu ký túc xá giữ lại không cho ra khỏi cổng. Sợ hành vi trộm cắp sẽ bị phát giác, H cầm chiếc điện thoại đi lên tầng 2 để trả lại, H cầm nhầm vào phòng 209 đưa cho chị Lê Thị Yến (SN 1998, HKTT: Quỳnh Trang, Quỳnh Mai, Nghệ An) và đi nhanh xuống sân thì bị giữ lại, sau đó công an phường X La đến giải quyết. Biết không thể trốn tránh H tự nguyện đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ của bị cáo gồm: 01 chiếc điện thoại OPPO A71 màu đen số imei: 865524030971850; 01 chiếc xe máy Honda Biển kiểm soát 29G1-.

*Tại Kết luận định giá tài sản số số 72/KL-HĐGD ngày 22/4/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, quận Tây Hồ kết luận: 01 chiếc điện thoại OPPO A71 màu đen giá trị 1.000.000đ (một triệu đồng).*

Người bị hại chị Nông Thị T T1 có đơn trình báo tại cơ Q công an việc bị mất tài sản như trên. Qua xác minh, xác định chiếc điện thoại là của chị T1, chị T1 có đơn xin lại tài sản. CQĐT công an quận Tây Hồ đã ra quyết định xử lý vật chứng, ngày 10/6/2019 đã trao trả 01 chiếc điện thoại trên cho chị T1. Chị T1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự, đề nghị xử lý đối tượng theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda BKS 29G1-605.13, qua điều tra xác định xe máy là nguyên thủy, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H. Bị cáo khai, xe máy trên bị cáo mua năm 2016, đứng tên bị cáo. Sau đó bị cáo phạm tội, bị kết án tù nên bị cáo đã bán lại cho em trai là Nguyễn Hùng M, do là chị em trong gia đình nên khi mua bán không viết giấy tờ. Từ sau khi bị cáo bán xe cho M thì M vẫn sử dụng xe đến nay, ngày 18/4/2019 bị cáo mượn xe của M nói là đi có việc sau đó bị cáo đi trộm cắp tài sản và bị bắt giữ.

Anh Nguyễn M M khai: Chiếc xe trên là của H (chị gái anh) mua năm 2016, đăng ký xe mang tên H. Anh đã mua lại của H và vẫn đang sử dụng. Do là chị em

trong gia đình nên khi mua bán không viết giấy tờ, không sang tên. Ngày 18/4/2019 H hỏi mượn xe của anh nói là đi có việc nên anh đã cho H mượn, anh không biết việc H mang xe đi trộm cắp tài sản. Anh M, đề nghị xin lại chiếc xe trên.

Bản cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 28/6/2019 của Viện kiểm sát N (VKSND) quận Tây Hồ đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại CQĐT và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp biên bản phạm tội quả tang, lời khai N chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đại diện VKSND quận Tây Hồ luận tội: Sau khi phân tích tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, N thân của bị cáo, kết luận bị cáo phạm tội “trộm cắp tài sản”, bị cáo có N thân xấu, có 04 tiền án chưa được xóa án tích, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án, lệ phí Tòa án, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc xe máy thu giữ của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo biết việc bị cáo trộm cắp tài sản của chị T1 là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của CQĐT công an quận Tây Hồ, Điều tra viên, VKSND quận Tây Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định của cơ Q tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ Q tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/4/2019, tại ký túc xá Trường Đại học Nội vụ Hà Nội (phường X La, quận Tây Hồ, Hà Nội), Nguyễn Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại OPPO A71 màu đen của chị Nông Thị T T1 có trị giá **1.000.000đ (một triệu đồng)**.

Xét thấy mặc dù tài sản bị cáo trộm cắp có trị giá 1.000.000đồng, tuy nhiên bị cáo đã có 04 tiền án: Bản án số 142/HSST ngày 28/7/2010 TAND huyện Từ Liêm xử 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 2.800.000đồng, nộp án phí tháng 15/10/2011. Ra trại ngày 15/12/2010; Bản án số 168/HSST ngày 31/5/2012 TAND quận Cầu Giấy xử 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 6.450.000đồng, nộp án phí tháng 31/5/2012. Ra trại ngày 28/5/2013; Bản án số 51/HSST ngày 06/11/2013 TAND tỉnh Hưng Yên xử 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 8.537.000đồng, nộp án phí tháng 02/2014. Ra trại ngày 06/9/2016; Bản án số 168/HSST ngày 31/5/2012 TAND quận Cầu Giấy xử 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 6.450.000đồng, nộp án phí tháng 31/5/2012. Ra trại ngày 28/5/2013; Bản án số 21/HSST ngày 21/02/2017

TAND quận Đống Đa xử 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tài sản trộm cắp trị giá 2.500.000đồng, nộp án phí ngày 26/6/2017. Ra trại ngày 11/3/2019. Các bản án trên bị cáo chưa được xóa án tích, bị cáo phạm tội lần này cùng với hành vi bị cáo đã bị truy tố, xét xử. Tuy nhiên xét tài sản bị cáo trộm cắp trị giá 1.000.000đồng nên xác định các bản án trước là căn cứ định tội đối với bị cáo. Do vậy lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự. VKSND quận Tây Hồ truy tố bị cáo về tội “trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội; bị cáo có N thân xấu: Có 04 tiền án, chưa được xóa án tích, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích thu lợi bất C, cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình HĐXX xét bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi và trả lại cho bị hại làm căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Tòa án không xem xét.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda BKS 29G1- qua điều tra xác định xe là nguyên thủy, đăng ký xe tên Nguyễn Thị H. Bị cáo và anh M khai, xe trên là của bị cáo mua năm 2016, đứng tên bị cáo. Sau đó bị cáo đã bán cho em trai là anh M, do là chị em nên khi mua bán không viết giấy tờ, không sang tên. Từ sau khi mua xe đến nay anh M vẫn quản lý, sử dụng. Xét thấy lời khai của anh M và bị cáo thống nhất, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ nên xác định chiếc xe máy trên thuộc sở hữu của anh M. Ngày 18/4/2019 anh M cho bị cáo mượn xe làm pH tiện đi lại, anh M không biết việc bị cáo mượn xe đi trộm cắp tài sản nên HĐXX xét trả lại cho anh M chiếc xe máy trên.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên Q có quyền kháng cáo phần bản án có liên Q đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Các Điều 106, 331, 333, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2019.

Xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Nguyễn H M 01 xe máy nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen BKS 29G1-, số khung 3607EY128934; số máy JA36E0274281(hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận Tây Hồ, biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2019).

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên Q có quyền kháng cáo phần bản án có liên Q đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

